

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng 4 năm 2026  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở đào tạo

- Tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG**

- Tiếng Anh: **PHAM VAN DONG UNIVERSITY**

#### 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DPQ

#### 3. Địa chỉ các trụ sở

- Trụ sở chính: 509 Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Trụ sở 2: 986 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

#### 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- [www.pdu.edu.vn](http://www.pdu.edu.vn);

- [www.tuyensinh.pdu.edu.vn](http://www.tuyensinh.pdu.edu.vn)

#### 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh

- [pdu.edu.vn/nss.php?name=BaCongKhai](http://pdu.edu.vn/nss.php?name=BaCongKhai)

- [tuyensinh.pdu.edu.vn](http://tuyensinh.pdu.edu.vn)

#### 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

- 02553713123

- 0839509509

#### 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

(Chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

- [pdu.edu.vn](http://pdu.edu.vn);

- [tuyensinh.pdu.edu.vn](http://tuyensinh.pdu.edu.vn);

## **II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

### **1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển; phạm vi tuyển sinh**

#### **a. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

- Không vi phạm pháp luật.

#### **b. Phạm vi tuyển sinh**

Tuyển sinh trong cả nước. Đối với thí sinh có nơi thường trú ngoài tỉnh Quảng Ngãi xét tuyển vào khối ngành đào tạo giáo viên, nhà trường chỉ nhận hồ sơ xét tuyển theo diện đào tạo đặt hàng và diện đào tạo theo nhu cầu cá nhân (được quy định trong Nghị định 116/2020/NĐ-CP).

**2. Mô tả phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

#### **a. Đối với phương thức Xét tuyển: Chỉ áp dụng đối với bậc đại học**

Thực hiện tuyển sinh theo 5 phương thức sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2026 (tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển, sử dụng thang điểm 30);

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 theo tổ hợp môn xét tuyển, sử dụng thang điểm 30);

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào Kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) năm 2026;

- Phương thức 4: Xét chuyển thí sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học;

- Phương thức 5: Xét tuyển thẳng.

#### **b. Đối với phương thức Thi tuyển kết hợp xét tuyển: Chỉ áp dụng đối ngành Giáo dục Mầm non, bậc cao đẳng**

Thực hiện tuyển sinh theo 2 phương thức sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2026 (môn Toán hoặc Văn) và kết quả của Kỳ thi tuyển sinh môn Năng khiếu xét tuyển cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2026.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của môn Toán hoặc Ngữ văn) và kết quả của Kỳ thi tuyển sinh môn Năng khiếu xét tuyển cao đẳng ngành

Giáo dục Mầm non năm 2026.

### **3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

#### **a. Ngưỡng đầu vào**

##### **- Bachelor degree in the field of teacher training:**

+ Xét tuyển theo phương thức 1 và 3: Kết quả thi THPT 2026 có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định.

+ Xét tuyển theo phương thức 2: Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 8,50 trở lên.

+ Xét tuyển theo phương thức 4: Đã hoàn thành chương trình dự bị đại học.

+ Xét tuyển theo phương thức 5: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Đại học Phạm Văn Đồng.

##### **- Bachelor degree not in the field of teacher training:**

+ Xét tuyển theo phương thức 1 và 3: Kết quả thi THPT 2026 có tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải đạt từ 15 điểm trở lên.

+ Xét tuyển theo Phương thức 2:

✓ Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026: Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển cộng điểm ưu tiên đạt tối thiểu 15 điểm;

✓ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: Có điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 12 phải đạt từ 15 điểm trở lên đồng thời có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

+ Xét tuyển theo phương thức 5: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Đại học Phạm Văn Đồng.

##### **- Bachelor degree, field of Early Childhood Education:**

+ Xét tuyển theo phương thức 1: Kết quả thi THPT 2026 có điểm môn Toán hoặc Văn cộng điểm ưu tiên phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

+ Xét tuyển theo phương thức 2: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề).

**b) Quy tắc quy đổi tương đương**

- Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển.

- Trường sẽ căn cứ vào hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT, dữ liệu phân tích điểm trúng tuyển để quyết định công thức quy đổi điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển cho tất cả phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 và công bố theo quy định.

#### 4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh/Tổ hợp môn	Ghi chú
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	180	- Phương thức 1, 2: A00; A01; C00; D01; X01 - Phương thức 3,4,5	(*) Năm 2026 chỉ tiêu dành cho diện xét dự bị đại học như sau: Giáo dục Tiểu học: 30 Sư phạm Ngữ văn: 4  <b>* Chi tiết mã tổ hợp môn</b> A00: Toán, Vật lý, Hoá học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hoá học, Sinh học B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
2.	7140209	Sư phạm Toán học	60	- Phương thức 1, 2: A00; A01; X05; D01;D07 - Phương thức 3,5	
3.	7140210	Sư phạm Tin học	30	- Phương thức 1, 2: A00; A01; C01; D01 X05; X06; - Phương thức 3,5	
4.	7140211	Sư phạm Vật lý	30	- Phương thức 1, 2: A00; A01; C01;X05 - Phương thức 3,5	
5.	7140212	Sư phạm Hóa học	30	- Phương thức 1, 2: A00; B00; C02; D07; X09 - Phương thức 3,5	
6.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	80	- Phương thức 1, 2: C00;C03; X74; X70; X01, D14 - Phương thức 3,4,5	
7.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	90	- Phương thức 1, 2:	

				D01; D14;D15; X25; X78 - Phương thức 3,5	X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL X05: Toán, Vật lí, GDKT&PL
8.	7140247	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	40	- Phương thức 1, 2: A00; C01; C02; B00; B03; C01 - Phương thức 3,5	X06: Toán, Vật lí, Tin học X09: Toán, Hóa học, GDKT&PL X25: Toán, GDKT&PL, Tiếng Anh
9.	7340101	Quản trị kinh doanh	50	- Phương thức 1, 2: C03; X74; X01; D01 - Phương thức 3, 5	X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL X78: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
10.	7340115	Marketing	40	- Phương thức 1, 2: C03; X74; X01; D01 - Phương thức 3, 5	M01: Ngữ văn + NK1 + NK2 M09: Toán + NK1 + NK2
11.	7480201	Công nghệ thông tin	90	- Phương thức 1, 2: A00; X05; X06; D01 - Phương thức 3, 5	
12.	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	100	- Phương thức 1, 2: A00; A01; X05; D01 - Phương thức 3, 5	
13.	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	60	- Phương thức 1,2 : A00; A01; X05; D01 - Phương thức 3, 5	
14.	51140201	Giáo dục Mầm non	130	- Phương thức 1, 2 M01;M09	

**\*Ghi chú: Chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên là dự kiến. Nhà trường sẽ công bố chỉ tiêu chính thức sau khi Bộ GD&ĐT phê duyệt chỉ tiêu này.**

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

### a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

– Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Trường không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển vào cùng một ngành đào tạo.

– Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trong trường hợp số thí sinh trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu tuyển của từng phương thức xét tuyển, trường quy định:

+ Sử dụng điểm thi môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển để lựa chọn thí sinh trúng tuyển đối với tổ hợp môn chỉ có Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển.

+ Sử dụng điểm thi Toán để lựa chọn thí sinh trúng tuyển nếu trong tổ hợp môn xét tuyển vừa có môn Toán, vừa có môn Ngữ văn.

+ Sử dụng điểm thi môn Năng khiếu để lựa chọn thí sinh trúng tuyển nếu trong tổ hợp môn xét tuyển có môn năng khiếu.

### b. Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ

Các chứng chỉ quốc tế phải được cấp bởi các đơn vị được Bộ GD&ĐT cho phép liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ quốc tế và có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ ngày cấp đến ngày kết thúc nộp hồ sơ.

Đối với các thí sinh có một trong các loại chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực theo quy định), gồm: IELTS; TOEFL iBT; TOEFL ITP; TOEIC; VSTEP; CEFR/CAMBRIDGE được quy đổi sang điểm tương đương đối với môn tiếng Anh của Kỳ thi THPT năm 2026 theo bảng sau:

Điểm quy đổi Loại chứng chỉ	7.5	8.0	8.5	9.0	9.5	10
IELTS	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	$\geq 6.5$
TOEFL iBT	45-50	51-55	56-60	61-70	71-79	$\geq 80$
TOEFL ITP	450-470	471-490	491-510	511-530	531-549	$\geq 550$
TOEIC			450-500	501-550	551-600	$\geq 601$
VSTEP			3		4	5-6
CEFR/CAMBRIDGE			B1		B2	C1-C2

## 6. Tổ chức tuyển sinh

### a. Thời gian đăng ký xét tuyển và xét tuyển

- Đợt chính thức

<b>Phương thức xét tuyển</b>	<b>Thời gian đăng ký xét tuyển</b>	<b>Thời gian xét tuyển</b>
Phương thức 1	Xét theo lịch chung của Bộ GD&ĐT	Xét theo lịch chung của Bộ GD&ĐT
Phương thức 2		
Phương thức 3		
Phương thức 4		
Phương thức 5		

**- Tuyển bổ sung đợt 1 (nếu tuyển chưa đủ chỉ tiêu)**

+ Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: 22/8/2026-30/8/2026.

+ Thời gian xét tuyển: 04/09/2026.

**- Thi năng khiếu tuyển sinh bậc cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

+ Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: 01/5/2026-19/6/2026.

+ Thời gian thi (dự kiến): Ngày 01 và 02/07/2026.

**b. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:**

Đối với đợt xét tuyển chính thức, thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng trên cổng thông tin của GD&ĐT dựa trên tài khoản cá nhân đã được Bộ GD&ĐT cấp.

Đối với đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh tải và điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu do nhà trường ban hành (Biểu mẫu đăng trên website tại địa chỉ: tuyensinh.pdu.edu.vn). Sau đó thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển cho nhà trường qua một trong các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng.
- Nộp hồ sơ qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

**c. Tổ chức xét tuyển:**

- Phương thức 1, Phương thức 2.

+ Sử dụng kết quả điểm thi THPT năm 2026; điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tổ hợp môn xét tuyển.

+ Áp dụng cho tất cả các đợt xét tuyển dành cho thí sinh xét tuyển vào học tất cả các ngành đào tạo của bậc đại học; cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

+ Công thức tính tổng điểm xét tuyển:

**Tổng điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Tổng điểm ưu tiên.**

**Trong đó:**

**\* Đối với bậc đại học:**

M1, M2, M3: là điểm bài thi THPT năm 2026 (đối với Phương thức 1)/ điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tổ hợp môn xét tuyển (đối với Phương thức 2).

**\* Đối với bậc cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

✓ M1: là điểm bài thi THPT năm 2026 môn Ngữ Văn hoặc môn Toán (đối với Phương thức 1)/ điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 môn Ngữ văn hoặc môn Toán (đối với Phương thức 2).

✓ M2: là điểm môn năng khiếu 1.

✓ M3: là điểm môn năng khiếu 2.

**\* Điểm ưu tiên:** đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

**Tổng điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định.**

- Điểm ưu tiên bao gồm: điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

**\* Nguyên tắc xét tuyển:**

Thí sinh trúng tuyển được lấy từ trên xuống theo tổng điểm xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.

Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

**Lưu ý: Đối với đợt xét tuyển chính thức, thí sinh đăng ký xét tuyển thực hiện trên hệ thống tuyển sinh của GD&ĐT.**

**d. Xác nhận nhập học:** thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhập học trực tiếp tại Trường ĐH Phạm Văn Đồng theo hướng dẫn của nhà Trường.

## **7. Chính sách ưu tiên**

Chính sách ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo chế độ chính sách được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Chi tiết việc cộng điểm ưu tiên được áp dụng theo Phụ lục I, Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT.

## **8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh**

- Đợt xét tuyển chính thức: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đợt xét tuyển bổ sung: Thí sinh được miễn phí lệ phí đăng ký xét tuyển.

- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh.

## 9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Nhà trường cam kết giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

**10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):** Không

### 10.1 Học phí

**Mức thu học phí theo tín chỉ khoá tuyển sinh năm học 2026-2027 (dự kiến)**

Nhóm ngành	Mức học phí (1000 đồng/tín chỉ)
<b>1. Bậc cao đẳng</b>	
<b>Hệ chính quy</b>	
Giáo dục mầm non	484
<b>2. Bậc đại học</b>	
<b>Hệ chính quy</b>	
Khối ngành 1: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	
Sư phạm Tin học	607
Sư phạm Vật lý	607
Sư phạm Ngữ văn	607
Sư phạm Tiếng Anh	607
Giáo dục Tiểu học	607
Sư phạm Toán	607
Sư phạm Khoa học Tự nhiên	607
Sư phạm Hoá	607
Khối ngành 3: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	
Quản trị kinh doanh	607
Marketing	607
Khối ngành 5: Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	
Công nghệ thông tin	709
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	688
Kỹ thuật cơ điện tử	688

## 10.2 Thông tin liên hệ hỗ trợ tuyển sinh

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Bùi Tá Toàn	Trưởng phòng KT-ĐBCLGD	0914063863	bttoan@pdu.edu.vn
2	Huỳnh Triệu Vỹ	Phó Trưởng phòng KT-ĐBCLGD	0914202670	htvy@pdu.edu.vn
3	Lê Duy Tuấn	Cán bộ máy tính hội đồng tuyển sinh 2026	0943676870	ldtuan@pdu.edu.vn
4	Phạm Thị Thu Hiền	Cán bộ thu nhận hồ sơ	0937603246	ptthien@pdu.edu.vn

## 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã ngành học	Tên ngành	Phương thức XT	Năm tuyển sinh 2024			Năm tuyển sinh 2025		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	51140201	Giáo dục mầm non	Xét điểm học bạ	41	40	23.19	46	46	25.58
2	7140231	Su phạm Tiếng Anh	Xét điểm học bạ	14	15	26.4	58	58	26.83
3	7140217	Su phạm Ngữ văn	Xét điểm học bạ	11	14	27.2	31	31	27.58
4	7140211	Su phạm Vật lý	Xét điểm học bạ	6	8	26.62	10	22	27.34
5	7140210	Su phạm Tin học	Xét điểm học bạ	6	8	26.08	12	19	26.75
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét điểm học bạ	30	46	27.1	97	97	27.46
7	7140209	Su phạm Toán học	Xét điểm học bạ	11	8	27.12	27	37	27.75
8	7140247	Su phạm khoa học tự nhiên	Xét điểm học bạ	8	15	26.27	18	28	26.87
9	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét điểm học bạ	37	11	15	9	9	15
10	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét điểm học bạ	41	27	15	82	82	15
11	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Xét điểm học bạ	32	15	15	45	45	15
12	7480201	Công nghệ thông tin	Xét điểm học bạ	34	26	15	48	48	15
13	7310105	Kinh tế phát triển	Xét điểm học bạ	10	3	15	4	4	15
14	51140201	Giáo dục mầm non	Xét điểm thi THPT	42	40	24	34	34	25.58
15	7140231	Su phạm Tiếng Anh	Xét điểm thi THPT	32	32	24.5	6	3	26.02

16	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Xét điểm thi THPT	24	22	26.6	7	3	27.02
17	7140211	Sư phạm Vật lý	Xét điểm thi THPT	14	13	23.6	10	1	26.7
18	7140210	Sư phạm Tin học	Xét điểm thi THPT	14	13	22.4	10	2	25.92
19	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét điểm thi THPT	85	70	25.7	12	12	26.87
20	7140209	Sư phạm Toán học	Xét điểm thi THPT	24	28	24.4	10	3	27.25
21	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	Xét điểm thi THPT	21	15	23.5	10	2	26.08
22	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét điểm thi THPT	18	14	15	15	15	15
23	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét điểm thi THPT	41	34	15	14	14	15
24	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Xét điểm thi THPT	15	16	15	4	4	15
25	7480201	Công nghệ thông tin	Xét điểm thi THPT	18	44	15	11	11	15
26	7310105	Kinh tế phát triển	Xét điểm thi THPT	6	11	15	6	6	15

**Cán bộ tuyển sinh**

Lê Duy Tuấn

Điện thoại: 0943676870

Email: ldtuan@pdu.edu.vn

*Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 4 năm 2026*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2026**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Đình Thám**